

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2022/DS-ST
Ngày: 29-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hữu Lợi

Bà Nguyễn Huỳnh Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Diệu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2022/TLST-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2022/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Bạch T, sinh năm 1959;

Cư trú tại: Số B Đường T, Phường N, thành phố T, tỉnh Long An.

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Ngọc L,

2. Ông Nguyễn Vinh T,

Cùng cư trú tại: Số Z Đường V, khu phố B, Phường Y, thành phố T, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09 tháng 11 năm 2021, đơn khởi kiện sửa đổi ngày 21 tháng 02 năm 2022 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng của nguyên đơn bà Trần Thị Bạch T thể hiện:

Do chỗ quen biết lâu năm nên vào ngày 06 tháng 01 năm 2020, bà T có cho vợ chồng bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T vay số tiền 400.000.000 đồng, mục

đích: kinh doanh bất động sản. Tờ giấy đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 có nội dung bà L và ông T có vay của bà T số tiền 400.000.000 đồng là do vợ chồng bà L viết, cùng ký tên và đưa bà T giữ để làm tin. Khi đó, bên vay có hứa hẹn bằng lời nói sẽ trả số nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày vay. Quá thời hạn trả nợ, bà T nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà tìm gặp nhưng vợ chồng bà L và ông T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ mà cố tình lẩn tránh. Ngày 26 tháng 10 năm 2021, bà T có gửi thông báo đòi nợ đề nghị bà L và ông T trả số nợ trên vào ngày 31 tháng 10 năm 2021 nhưng bà L và ông T không thực hiện. Bà T có gửi đơn đến khu phố nơi bà L và ông T đang cư trú để yêu cầu hòa giải nhưng cả hai đều vắng mặt không lý do.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà L và ông T liên đới trả số tiền nợ 400.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tiền lãi.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T nhưng cả hai đều vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Bà T có đơn đề nghị không hòa giải và bị đơn vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Bị đơn bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không lý do, nguyên đơn bà Trần Thị Bạch T vắng mặt có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là phù hợp Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bà T và bà L cùng ông Thủy có xác lập hợp đồng vay tài sản vào ngày 06/01/2020, số tiền 400.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất và thời hạn trả. Bà T đã gửi thông báo ấn định thời hạn cho bà L và ông T trả số nợ trên đến ngày 31 tháng 10 năm 2021 nhưng đến nay bà L và ông T chưa trả cho bà T. Theo Điều 466 và Điều 469 Bộ luật Dân sự, giữa bà T và bà L, ông T đã xác lập hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi, bà T đã thông báo một thời gian hợp lý để bà L và ông T trả số tiền vay nhưng cả hai không thực hiện. Do đó, căn cứ Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 400.000.000 đồng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Trần Thị Bạch T khởi kiện bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T yêu cầu trả số nợ còn thiếu trong hợp đồng vay tài sản. Bà L và ông T đang cư trú tại Phường Y, thành phố Tân An, tỉnh Long An. Căn cứ vào các điều: 26, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do và không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự là phù hợp quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T khởi kiện bà L và ông T yêu cầu trả số nợ đã vay là 400.000.000 đồng, trả một lần và không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là bản gốc tờ giấy viết tay đề ngày 06 tháng 01 năm 2020 do bà L và ông T ký tên, có nội dung mượn của bà T số tiền 400.000.000 đồng, không thể hiện lãi suất và thời hạn vay giữa hai bên. Căn cứ Điều 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T và bà L cùng ông Thủy có xác lập hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi. Bà T đã gửi thông báo đòi nợ đến địa chỉ cư trú của bà L và ông T cung cấp trong tờ giấy vay tiền ấn định thời hạn trả nợ nhưng bà L và ông T không thực hiện nghĩa vụ. Sau đó, bà T có đề nghị khu phố nơi bà L và ông T đang cư trú tiến hành hòa giải nhưng cả hai đều vắng mặt không lý do.

[4] Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự gồm Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa tại nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không lý do cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi đến Tòa án. Điều này cho thấy bị đơn đã biết được việc khởi kiện của nguyên đơn, mặc nhiên thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không có thiện chí trả nợ cho nguyên đơn.

[5] Về việc không yêu cầu tính lãi: Khi bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật nhưng nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc mà không yêu cầu bị đơn trả lãi là sự tự nguyện của nguyên đơn và có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Như vậy, từ những tình tiết và chứng cứ như đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ngày 06 tháng 01 năm 2020, vợ chồng bà L và ông T có vay và còn nợ của bà T số tiền là 400.000.000 đồng. Do đó, căn cứ Điều 463, 466, 469, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng bà L và ông T liên đới trả cho bà T số tiền nợ vay còn thiếu là 400.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí 05% trên giá trị tài sản phải trả cho nguyên đơn là 20.000.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều: 5, 35, 39, 147, 238, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều: 463, 466, 469 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Bạch T về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T.

1. Buộc bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Trần Thị Bạch T số nợ vay còn thiếu là 400.000.000 (bốn trăm triệu) đồng theo tờ giấy mượn tiền ngày 06 tháng 01 năm 2020.

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Ngọc L và ông Nguyễn Vinh T liên đới chịu 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng án phí sung ngân sách Nhà nước; bà Trần Thị Bạch T được miễn nộp tạm ứng án phí.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- Các đương sự (03);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn